

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 17 - 01 - 2023

*V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con
khi ly hôn*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Văn Chiến

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Văn Tám
- Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Thiện Nhân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên toà:
Ông Lưu Tiến Dũng – Kiểm sát viên sơ cấp

Trong ngày 17 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 360/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp Hôn nhân và Gia đình “ Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 262/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị Kim N, sinh năm 1993

Địa chỉ: Số E, ấp E, xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1991

Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã B, huyện P, tỉnh An Giang.

(Chị N xin vắng mặt, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình hòa giải, nguyên đơn chị Võ Thị Kim N trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T tự tìm hiểu, được cha mẹ hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện P, tỉnh An Giang vào ngày 04 tháng 9 năm 2012.

Sau khi kết hôn chị và anh T chung sống với nhau đến khoảng năm 2018

thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh T không lo làm ăn, thường xuyên uống rượu, tham gia cờ bạc gây nợ, khi uống rượu về có hành vi bạo lực với chị nên vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm, từ đó tính tình không còn hợp nhau, thời gian mâu thuẫn kéo dài đến năm 2019 thì vợ chồng ly thân và không còn liên lạc qua lại với nhau, hai người cũng không hàn gắn, nay tình cảm không còn chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Quốc T1, sinh ngày 28/8/2010 và Nguyễn Thị Ngọc T2, sinh ngày 24/6/2016, hiện 02 con đang sống với anh T. Nếu ly hôn chị đồng ý giao 02 con chung cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

* Theo bản tự khai và quá trình hòa giải bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Sau khi kết hôn anh và chị N chung sống bình thường, anh có làm ăn lo cho gia đình, nhưng quá trình chung sống thì có xảy ra mâu thuẫn về chuyện tiền bạc vì năm 2018 anh đang thất nghiệp, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Đến năm 2019 thì chị N bỏ về nhà cha mẹ ở S sinh sống và vợ chồng ly thân từ đó. Hiện tại anh đang làm công việc khoan địa chất và có thu nhập nuôi con. Nay chị N yêu cầu ly hôn anh không đồng ý ly hôn do còn tình cảm và còn thương vợ con.

Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Quốc T1, sinh ngày 28/8/2010 và Nguyễn Thị Ngọc T2, sinh ngày 24/6/2016, hiện 02 con đang sống với anh. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N thì anh đồng ý tiếp tục nuôi 02 con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

- Tại biên bản xác minh ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Tòa án xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân của chị Võ Thị Kim N và anh Nguyễn Văn T, được chị Bùi Thị Cẩm N1 là Trưởng Ban công tác mặt trận ấp B, xã B, huyện P, tỉnh An Giang cho biết, anh Nguyễn Văn T có hộ khẩu thường trú tại ấp B, xã B, huyện P, tỉnh An Giang. Về tình trạng hôn nhân thì anh T và chị N là vợ chồng, trước đây vợ chồng có thời gian sống với gia đình anh T nhưng sau này được biết anh T và chị N sống ly thân do chị N đi làm xa, nguyên nhân mâu thuẫn ra sao thì địa phương không nắm cụ thể nhưng hai người ly thân đã hơn 02 năm, hiện anh T thường đi làm xa, nhưng vẫn tới lui về nhà ở tại địa phương.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/12/2022, bà Trần Thị Q, sinh năm 1962 (là mẹ ruột anh T) trình bày: bà là mẹ ruột anh T, chị N và anh T là vợ chồng, từ khi kết hôn thì vợ chồng sống ở gia đình bà, quá trình chung sống thời gian dài thì có xảy ra mâu thuẫn do Toán đôi lúc có say xỉn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau nên khoảng năm 2019 thì vợ chồng ly thân, từ đó N trở về nhà cha mẹ ruột sống cho đến nay, gia đình có nhiều lần hàn gắn nhưng không được.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật, tuy nhiên anh T được tổng đạt triệu tập để nghe xét xử đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt, chị N có đơn xin vắng mặt và có ý kiến trình bày rõ ràng yêu cầu của mình, do đó đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) xét xử vắng mặt anh T và chị N theo Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Hôn nhân của anh, chị tự tìm hiểu quen biết nhau được cha mẹ chấp thuận tổ chức lễ cưới năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện P, tỉnh An Giang, quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do anh T uống rượu về hay khó khăn với chị N, vợ chồng thường xuyên cãi nhau đến năm 2019 thì vợ chồng ly thân, từ đó chị N bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay, gia đình hai bên có hàn gắn, anh T cũng tạo điều kiện để vợ chồng hàn gắn nhưng không được, từ đó tình cảm vợ chồng phai nhạt, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị N yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ, phù hợp với lời trình bày của bà Trần Thị Q (mẹ ruột của anh T) và chị Bùi Thị Cẩm N1 (Trưởng Ban công tác mặt trận ấp B, xã B), đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

- Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Quốc T1, sinh ngày 28/8/2010 và Nguyễn Thị Ngọc T2, sinh ngày 24/6/2016, hiện 02 con đang sống với anh T. Nay anh T đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nên chị N không phải cấp dưỡng cho con. Xét thấy việc trông nom, chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng con sau khi ly hôn, vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên đối với con chưa thành niên, chị N đồng ý để anh T tiếp tục nuôi 02 con chung cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu, nên đề nghị HĐXX chấp nhận.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có tranh chấp nên không giải quyết
Đồng thời buộc các đương sự chịu án phí theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về người tham gia tố tụng: nguyên đơn chị Võ Thị Kim N yêu cầu được vắng mặt khi xét xử, chị có ý kiến trình bày rõ ràng yêu cầu của mình; bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được tổng đạt các văn bản tố tụng cũng như triệu tập lần thứ 2 để nghe xét xử, nhưng anh vẫn vắng mặt, việc vắng mặt của anh, chị không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án, nên HĐXX xét xử vắng mặt anh, chị theo Điều 227 và Điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự để đảm bảo quyền lợi cho các bên.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: hiện nay anh T cư trú tại: ấp B, xã B, huyện P, tỉnh An Giang nên chị N khởi kiện xin ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về quan hệ tranh chấp: chị N xin ly hôn và giải quyết việc nuôi con nên quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện, hôn nhân của anh, chị được xác lập do hai người tự tìm hiểu và được cha mẹ hai bên đồng ý, tổ chức lễ cưới năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện P, tỉnh An Giang, quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do anh T khi uống rượu về khó khăn với chị N, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, đến năm 2019 thì vợ chồng ly thân, từ đó chị N bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay, gia đình hai bên có nhiều lần hàn gắn, anh T cũng tạo điều kiện để vợ chồng hàn gắn nhưng không được, từ đó tình cảm vợ chồng phai nhạt, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị N yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ, phù hợp với lời trình bày của bà Trần Thị Q (mẹ ruột của anh T) và chị Bùi Thị Cẩm N1 (Trưởng Ban công tác mặt trận ấp B, xã B), để anh chị có cuộc sống riêng sau này, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

- Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Quốc T1, sinh ngày 28/8/2010 và Nguyễn Thị Ngọc T2, sinh ngày 24/6/2016, hiện 02 con đang sống với anh T. Nay anh T đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nên chị N không phải cấp dưỡng cho con. Xét thấy việc trông nom, chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn, vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên đối với con chưa thành niên, theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, hiện 02 con chung đang do anh T chăm sóc ổn định phù hợp với nguyện vọng của các cháu, nên HĐXX giao cháu T1 và cháu T2 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng đến thành niên hoặc tự lập được, chị N không phải cấp dưỡng cho con.

Về quan hệ tài sản chung: Các bên không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Ghi nhận anh T và chị N khai không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì anh T, chị N phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án khác.

[3] Về án phí: chị Võ Thị Kim N là người xin ly hôn, nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 56 và Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ Luật Tố tụng Dân sự 2015;
- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

- Căn cứ Điều 26, khoản 5 Điều 27, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Võ Thị Kim N đối với anh Nguyễn Văn T.

- Về hôn nhân: chị Võ Thị Kim N được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Tiếp tục giao 02 con chung tên Nguyễn Quốc T1, sinh ngày 28/8/2010 và Nguyễn Thị Ngọc T2, sinh ngày 24/6/2016 cho anh Nguyễn Văn T nuôi dưỡng đến thành niên hoặc tự lập được, chị Võ Thị Kim N không phải cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả: không có.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Võ Thị Kim N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005666 ngày 25/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, anh Nguyễn Văn T không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản sao bản án.

Trường hợp bản án, được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- UBND xã Bình Thạnh Đông, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Chiến